

GIÁ TRỊ LỊCH SỬ, VĂN HÓA CỦA TÍN NGƯỠNG THỜ THẦN BẢO NINH VƯƠNG

NGUYỄN THỊ DUNG*

Tóm tắt: Tín ngưỡng dân gian không chỉ là một phần quan trọng của đời sống con người, mà còn là một trong những thành tố cốt lõi cấu thành bản sắc văn hóa Việt Nam. Là nơi thể hiện niềm tin, tâm thức, cũng như các giá trị nhiều mặt về lịch sử, văn hóa, nghệ thuật... được cộng đồng tích lũy và gìn giữ qua nhiều thế hệ, tín ngưỡng thờ Thần Bảo Ninh Vương là một trường hợp thờ thần tiêu biểu với những biểu hiện phong phú ở cả thần tích, truyền thuyết, di tích. Từ góc nhìn di sản, bài viết này đề cập đến hai giá trị tiêu biểu của tín ngưỡng thờ Thần Bảo Ninh Vương, đó là giá trị lịch sử và giá trị văn hóa.

Từ khóa: giá trị, tín ngưỡng, thờ thần, Bảo Ninh Vương.

Abstract: Folk believes are not only an essential part of people's lives, but also play a vital role in shaping the Vietnamese cultural identity. As a practice that embodies the spiritual mindset and reflects the multifaceted values of history, culture, and art... accumulated and preserved by the community over generations the worship of Bao Ninh Vuong serves as a representative example of folk deity veneration, characterized by its rich expressions in legends, sacred narratives, and historical relics. Approached from a heritage standpoint, this article explores two key dimensions of Bao Ninh Vuong worship, historical importance and cultural significance.

Keywords: value, religious, god worship, Bao Ninh Vuong.

1. Dẫn nhập

Truyền thuyết kể rằng, Thần Bảo Ninh Vương là thần được thờ từ lâu ở 8 làng: Pháp Vân, Đại Từ, Linh Đàm, Tứ Kỳ, Bằng A, Bằng B, Tụ Liệt, Hữu Lê thuộc xã Thanh Liệt, Đại Thanh, phường Hoàng Liệt, Định Công, thành phố Hà Nội. Thần vốn là con Vua Thủy Tề, cư ngụ ở đầm lầy Linh Đàm, đã hóa phép thành người theo học thầy giáo Chu Văn An ở trường học Huỳnh Cung. Vào đời nhà Trần, gặp năm đại hạn, đồng ruộng khô cạn, lúa màu héo khô, nhân dân đói khổ, vâng lời thầy dạy, học trò thủy thần đã làm mưa, hy sinh thân mình cứu dân. Nhân dân nhớ ơn mà thờ thần từ đó. Hiện nay, ngoài mộ ở khu Cầu Brou, thần được thờ trong các đình, miếu thuộc 8 làng trên. Cùng với truyền thuyết, các di tích và nghi lễ thờ thần Thần Bảo Ninh Vương đã tạo nên một hệ thống di sản văn hóa rất có giá trị, trong đó phải kể đến giá trị lịch sử và giá trị văn hóa.

2. Giá trị lịch sử của tín ngưỡng thờ thần Bảo Ninh Vương

Giá trị lịch sử của truyền thuyết

Nằm ở phía Nam của Thủ đô Hà Nội, 8 làng thờ

thần Thần Bảo Ninh Vương từ xa xưa vốn là vùng đất trũng. Truyền thuyết thần Thần Bảo Ninh Vương được thờ với vai trò là một thủy thần của vùng sông nước, đầm lầy - ở đây chính là sông Tô Lịch và đầm Linh Đàm. Thần Bảo Ninh Vương là vị thần cai quản vùng đầm thiêng Linh Đàm và có sự gắn bó mật thiết với sông thiêng Tô Lịch, cho nên, trong hạn mực của truyền thuyết, Thần Bảo Ninh Vương là vị thần cai quản toàn bộ đầm Linh Đàm và một phần khúc sông thuộc địa hạt thôn Tụ Liệt nối với thôn Lê Xá (bây giờ là thôn Hữu Lê) - đoạn này vẫn được người dân ở các thôn Văn, Hữu Lê, Huỳnh Cung gọi là ngã ba sông Tô. Tích về thủy thần Thần Bảo Ninh Vương, học trò của Chu Văn An có công giúp dân chống hạn đã được ghi chép trong thần tích thần sắc của các làng, được người dân lưu truyền cho đến ngày nay, đã ăn sâu bám rễ vào tâm thức cộng đồng cư dân ở khu vực này. Truyền thuyết đã tái hiện quá khứ về vùng Linh Đàm, Thanh Trì xưa, nơi có các làng Đại Từ, Linh Đàm, Pháp Vân, Tứ Kỳ, Bằng Liệt, Tụ Liệt từ rất lâu đã quần cư ở vùng đầm lầy Linh Đàm và ven theo hai bên bờ sông Tô Lịch. Có thể nói: chính câu

chuyện về thần Bảo Ninh Vương đã cột chặt lịch sử địa phương vào truyền thuyết cùng với những tên đất, tên người như: miếu Gàn, đầm Mực, trường học Huỳnh Cung, danh nho Chu Văn An.

Theo các nhà nghiên cứu, Hà Nội từ mấy nghìn năm trước vốn nằm trong vùng biển tiến, trước khi biển lùi dần nhường chỗ cho bãi bồi, Hà Nội là một phá (dạng cửa sông, cửa biển, được hình thành khi nước sông/ biển có lưu lượng nước lớn, xâm thực mạnh). Bởi vậy, trong sách *Hà Nội nghìn xưa*, các tác giả Trần Quốc Vượng, Vũ Tuấn Sán đã gọi Hà Nội là “phá Hà Nội” và là một miền “rừng rậm, đầm lầy”. Khi mực nước đại dương xuống thấp, biển lùi ra xa, sông Hồng bồi tích phù sa cho châu thổ đã làm cho phá Hà Nội cạn dần, từ đó làm hình thành những ô trũng, đầm lầy, rừng rậm, cho nên trên đất, trong rừng mới có thú dữ như hổ, voi; còn ở đầm lầy thì có cá sấu, rùa, dãi. Nếu dựa vào đặc điểm địa văn hóa này có thể thấy rằng: việc thờ thần Bảo Ninh Vương không chỉ đơn thuần là hiện tượng tín ngưỡng dân gian gắn với sông Tô, đầm Linh Đàm, thuộc hạn mực của tín ngưỡng thờ thần sông hồ, mà còn có nguồn gốc rất gần với tín ngưỡng thờ thần biển như ý kiến của các nhà nghiên cứu Ngô Văn Doanh. Ông cho rằng: dấu tích lịch sử của tín ngưỡng thờ thần biển còn lưu lại ở việc thờ thần Bảo Ninh Vương chính là tên gọi Xá Càn (Xá Càn vốn là tên gọi xưa của miếu Gàn) (1). Một số nhà nghiên cứu thuộc thế hệ sau như Nguyễn Hữu Thức, Nguyễn Thị Việt Hương cũng đã ủng hộ quan điểm này. Theo đó, dấu tích của vùng biển tiến ở mảnh đất thờ thần Bảo Ninh Vương chính là ở di tích miếu Gàn - nơi được cho là vốn có nguồn gốc là miếu thờ thần cá. Tục thờ thần cá thường xuất hiện nhiều ở các vùng ven biển, chữ “Càn” trong tên “Xá Càn” có sự tương đồng về nghĩa với tên gọi của các vị thần ở biển như “Càn hải Đại Vương”. Như thế, đề cập đến lịch sử của vùng đất thờ thần Bảo Ninh Vương cần xét xa hơn rất nhiều so với giới hạn thời gian từ đời nhà Trần như trong truyền thuyết được lưu truyền trong dân gian, mà phải gắn với lịch sử hình thành, khai phá vùng châu thổ sông Hồng của những cư dân Việt cổ. Cho nên, nhắc đến vùng đất thờ thần Bảo Ninh Vương là nhắc đến một vùng đất cổ, với lịch sử lâu đời và giàu truyền thống văn hóa.

Giá trị lịch sử của những di vật

Các đình, miếu thờ thần Bảo Ninh Vương ở 8 làng hiện nay là các công trình được xây dựng lại

trên nền đất cũ, trải qua nhiều lần trùng tu, sửa chữa, nhưng hầu hết đều có lịch sử khởi dựng từ rất lâu. Tại các di tích này còn lưu giữ các di vật có giá trị chỉ dẫn, giúp hiểu biết về lịch sử địa phương. Căn cứ hồ sơ các di tích và quá trình nghiên cứu thực địa tại các di tích cho thấy: hiện ở các đình, miếu thờ thần Bảo Ninh Vương có nhiều hiện vật quý, có giá trị lịch sử. Có thể kể đến như tại đình Linh Đàm có 1 bản thần phả thần Bảo Ninh Vương, niên hiệu Hồng Phúc 1572 (hiện bản thần phả này đã bị rách); 15 bản sắc phong thuộc 3 triều đại (Lê, Tây Sơn, Nguyễn), sắc phong có niên đại sớm nhất vào năm 1783, muộn nhất là bản sắc năm 1926; 1 bia đá *Hậu thần bi ký* khắc năm 1781; 1 bia đá *Tiên hiền bi ký* ghi trên bia năm 1926; 2 con rồng đá có từ TK XVIII; 1 kiệu bát cống bằng gỗ từ TK XVIII. Tại miếu Gàn có 1 nhang án gỗ TK XVIII; 1 bia đá *Thanh Bằng Thịnh sự bi ký* niên hiệu Cảnh Hưng 45 (1784); 1 bát hương bằng đá. Đình Tựu Liệt: 1 bia đá *Tiên hiền bi ký*, 1 bia đá *Hậu thần bi ký*, 2 con voi đá. Ở đình Hữu Lê có 1 câu đối gỗ từ TK XIX, 3 cửa võng gỗ và 3 hoành phi gỗ thời nhà Nguyễn, 1 mâm bồng bằng đồng thời Nguyễn. Kể đến các di vật tiêu biểu của đình Đại Từ có: 1 chuông đá Đại Bi tự chung niên đại Cảnh Thịnh 3 (1795), 1 bia đá *Ký kỵ bi ký* niên đại Minh Mệnh 20 (1839), 1 chuông đồng.

Không chỉ xác định được thời gian, niên đại, một số di vật còn là tài liệu chỉ dẫn, gợi mở thông tin cho phép tìm hiểu về các sự kiện, nhân vật lịch sử của các làng, xã. Trong số này, đặc biệt phải kể đến các sắc phong và bia đá. Các tấm bia đá dựng trong khuôn viên đình, miếu với những nội dung ghi chép cụ thể là những văn bản Hán Nôm có giá trị lịch sử, không chỉ giúp chúng ta tiếp cận các sự kiện, nhân vật lịch sử của các làng thờ thần Bảo Ninh Vương mà còn góp phần lý giải những vấn đề về văn hóa tín ngưỡng, lịch sử thờ cúng thần tại các làng. Bia đá *Thanh Bằng Thịnh sự bi ký* ở miếu Gàn là một trong 13 văn bia ở quận Hoàng Mai trước đây được lập vào đời Cảnh Hưng, có nội dung tiêu biểu thể hiện sự “ca ngợi văn học và sự tôn thờ Nho học”. Tuy nhiên, tìm hiểu nội dung văn bia này còn mang đến những hiểu biết về lịch sử làng Bằng Liệt, lịch sử hình thành từ chỉ (nhà thờ) Bùi Quốc Khái, cùng với lai lịch, tài năng và sự nghiệp của ông - người đã làm rạng danh mảnh đất Bằng Liệt xưa. Theo bản dịch văn bia, Bùi Quốc Khái là 1

trong 3 người đỗ đầu trong kỳ thi đình vào khoa thi Ất Tỵ thời Lý Anh Tông (ông là người đứng thứ 2), đã từng làm quan đến chức Đô ngự sử. Ông được dân làng Bằng Liệt ngưỡng vọng như Thái Sơn, Bắc Đẩu. Khi mất, mộ phần ông được đặt ở trong đồng Giáp Đông và ông được Hội tư văn trong làng mua đất dựng từ chỉ làm nơi thờ. Đề cập đến nội dung trong văn bia này, các nhà nghiên cứu Nguyễn Văn Khánh, Ngô Văn Doanh, Mai Văn Hai, Lâm Bá Nam, Nguyễn Văn Sửu đã dẫn **Đại Việt sử ký toàn thư** để tra cứu năm Ất Tỵ có Bùi Quốc Khải đỗ là năm 1185. Điều này cho thấy, làng cổ Bằng Liệt ít nhất đã có từ đầu TK XII.

Tại đình Linh Đàm, ngoài thờ thần Bảo Ninh Vương, thì trong đình còn thờ hai hậu thần là bà Trần Thị Ngọc Thúy và bà Hoàng Thị Dung. Hai bà đều là người có công tu bổ, xây dựng đình. Về hậu thần Trần Thị Ngọc Thúy, theo bia *Hậu thần bi ký* tại đình Linh Đàm, bà là Vương phủ thị nội cung tần Trần Thị Ngọc Thúy (hay Trần Thị Ngọc Tái), vào ngày tốt, tháng 9 năm thứ 19 niên đại Chính Hòa (1689) bà đã đóng góp 600 quan tiền và hơn 4 mẫu ruộng của tư gia cho làng Linh Đàm, bỏ hơn 4 mẫu ruộng và 300 quan tiền cho làng Đại Từ và xin làm hậu thần để bà và cha mẹ bà được dân làng thờ sau khi mất. Dựa trên thông tin này mà chúng ta có thể khẳng định sự tồn tại của đình Linh Đàm từ trước năm 1698, đồng thời giải thích cho việc tại sao tại đình Linh Đàm lại có hiện tượng phối thờ bà Trần Thị Ngọc Tái.

Tại đình Linh Đàm còn có 1 bản thần phả và 15 bản sắc phong thần Bảo Ninh Vương. Đây là tài liệu quý, là khối di văn Hán Nôm gắn với lịch sử thờ cúng thần Bảo Ninh Vương ở làng Linh Đàm và các làng khác. Trên các sắc phong, ngoài thời gian ban sắc và nội dung sắc phong cho thần được thờ, còn cung cấp thông tin về lịch sử thờ cúng thần ở các làng. Ví dụ, dịch sắc phong niên hiệu Gia Long thứ 9 (1810) có nội dung như sau: Nguyên thuộc Chính Thần, do sáu thôn Pháp Vân, Tứ Kỳ, Linh Đường, Đại Bi, Bằng Liệt, Tụ Liệt xã (nay là phường) Hoàng Liệt theo trước phụng thờ, từng được nhiều triều ban tặng sắc phong. Nay cơ đồ quốc gia thống nhất, theo lễ có nâng bậc, xứng đáng gia phong cho Thần ba mỹ tự là Triệu Tường Tuy Lộc Phu Ứng đại vương. Các nội dung ghi tại sắc phong này cũng như 14 sắc phong còn lại có ý nghĩa quan trọng trong việc khẳng định lịch sử thờ

thần ở Linh Đàm và các làng khác vốn đã có ít nhất là từ TK XVIII.

Như vậy, tín ngưỡng thờ thần Bảo Ninh Vương có ý nghĩa quan trọng, cung cấp những dữ liệu lịch sử để hiểu biết sâu sắc hơn về vùng đất cũng như con người ở những nơi thờ thần từ cội nguồn đến hiện tại.

3. Giá trị văn hóa của tín ngưỡng thờ thần Bảo Ninh Vương

Giá trị văn hóa của các di sản phi vật thể

Truyền thuyết, lễ hội đi liền với các di sản thờ thần đã tạo nên một kho di sản văn hóa phi vật thể thuộc tín ngưỡng thờ thần Bảo Ninh Vương, đồng thời nó còn góp phần tạo dựng truyền thống văn hóa cho các làng thờ thần.

Truyền thuyết về thần Bảo Ninh Vương là một sản phẩm văn hóa tinh thần chứa đựng trong nó nhiều giá trị. Không chỉ là sự biểu hiện, hội tụ giá trị niềm tin, mà nó còn mang trong mình cả câu chuyện văn hóa của các làng thờ thần. Nó là chuyện kể về nguồn gốc lịch sử lâu đời của các làng sống ở ven sông Tô, đầm Linh Đàm. Khi tiếp cận truyền thuyết chúng ta thấy có một sự giải thích rất tự nhiên, dễ hiểu về không gian địa văn hóa của vùng đất thờ thủy thần Bảo Ninh Vương. Theo đó, từ vùng trung tâm là hồ Linh Đàm, tín ngưỡng này đã có một vòng lan tỏa ra các khu vực lân cận xuôi theo dòng chảy của sông Tô Lịch, đến ngã ba sông Tô ở địa phận giáp danh giữa các thôn Văn, Huỳnh Cung, Tụ Liệt, Bằng Liệt thì bị hạn định bởi sông Nhuệ (thôn Hữu Lê). Sự hạn định của tín ngưỡng thờ thần Bảo Ninh Vương trong không gian văn hóa 8 làng là một sự giải thích về nguồn gốc lịch sử của các làng gắn chặt với đặc điểm của không gian địa văn hóa của khu vực. Xuất phát từ đó, tín ngưỡng này đã giải thích mối liên hệ kết nối cộng đồng cư dân nông nghiệp ở khu vực này bằng một chất keo đặc biệt - chất keo văn hóa tâm linh. Có thể nói, truyền thuyết về thần Bảo Ninh Vương chính là một phần quan trọng không thể tách rời khi nói đến văn hóa của các làng Linh Đàm, Bằng Liệt, Pháp Vân, Tứ Kỳ, Đại Từ, Tụ Liệt, Hữu Lê. Đồng thời, trong những câu chuyện về lịch sử, văn hóa của những làng có liên quan đến tín ngưỡng này cũng không thể nào thiếu được sự hiện diện của truyền thuyết về thần Bảo Ninh Vương. Đó là câu chuyện về cuộc đời và sự nghiệp dạy học của danh nho Chu Văn An ở quê nhà - thôn Văn, xã Thanh

Liệt và ở nơi ông dạy học - là trường học Huỳnh Cung (nay trường học Huỳnh Cung chính là đền thờ Chu Văn An ở thôn Huỳnh Cung thuộc xã Thanh Liệt). Nói đến hiền triết Chu Văn An, người đời đã biết đến ông thông qua sử sách với những chi tiết, sự kiện về cuộc đời, sự nghiệp của một danh nho, một bậc đại nhân, đại đức, đại trí. Song khi nhắc đến Chu Văn An, tại thôn Văn, bên cạnh di tích thờ ông là đền Văn (hay Miếu Thổ Kỳ), nhân dân còn lưu truyền thần tích về hai người con của Vua Thủy Tề, được cha cho theo học thầy Chu, đã có công giúp thầy Chu làm mưa chống hạn cứu dân. Bên cạnh làng Văn, làng Huỳnh Cung, cũng còn phải kể đến làng Tó (Tả Thanh Oai) - một làng nổi tiếng với truyền thống khoa bảng. Truyền thống của làng khoa bảng Tả Thanh Oai cũng được giải thích bằng sự gắn bó với nhân vật thủy thần Bảo Ninh Vương. Theo như truyền thuyết, khi làm mưa, thần Bảo Ninh Vương đã vung cả bút và nghiên mực ra tứ phương, riêng bút thì rơi xuống địa phận làng Tả Thanh Oai. Người làng Tả Thanh Oai bao đời nay vẫn tin rằng, vì được bút của thần rơi xuống mà vùng đất Tả Thanh Oai được lộc học hành, thi cử, chính vì vậy mà mảnh đất này đã khai sinh ra nhiều văn sĩ, nho sĩ tài năng, không chỉ giỏi văn chương mà còn đỗ đạt như dòng học Ngô Thì.

Đối với các làng, lễ hội là hoạt động văn hóa cộng đồng, là nơi biểu hiện đậm đặc những giá trị truyền thống. Tính chất địa phương đã làm cho lễ hội mang những nét riêng, những biểu hiện mang tính "bản sắc", truyền thống văn hóa. Lễ hội thờ thần Bảo Ninh Vương thể hiện rất rõ cái tính riêng, tính bản sắc và truyền thống này. Chỉ duy nhất ở 8 làng thuộc các xã phường ngay bên cạnh quê nhà Chu Văn An có lễ hội thờ người học trò đặc biệt của ông. Lễ hội thờ thần Bảo Ninh Vương là nơi gìn giữ những giá trị tinh thần phong phú của tín ngưỡng thờ thủy thần, nơi mà ở đó, truyền thuyết về một vị thủy thần được tái hiện, các quy định, luật tục, nghi thức, nghi lễ truyền thống được bảo lưu, trao truyền từ đời này sang đời khác. Lễ hội thờ thần Bảo Ninh Vương hiện nay vẫn còn duy trì các nghi lễ truyền thống như: cáo yết, mộc dục, tế nam, tế nữ, rước kiệu, rước nước, cùng với đó là trò diễn như múa rồng, trống hội, trò chơi dân gian trong không gian văn hóa làng giữa phố thị. Trong lễ hội thờ thần Bảo Ninh Vương, bên cạnh nghi lễ, diễn xướng, trò chơi còn có lời ca, tề ngợi ca công đức thủy thần Bảo Ninh Vương, mỗi

dịp lễ hội lại xướng lên để nhắc nhở truyền thống uống nước nhớ nguồn.

Bên cạnh lễ hội, những truyền thuyết chưa được sưu tầm hết, nhiều bài văn tế và thể thức tế lễ còn chưa được ghi chép lại tỉ mỉ, cùng với đó là rất nhiều lời ca ngợi công ơn của thần Bảo Ninh Vương được lưu truyền trong dân gian đã góp phần làm nên sự phong phú, giàu có của kho di sản văn hóa dân gian thuộc về tín ngưỡng thờ thần Bảo Ninh Vương.

Giá trị văn hóa của các di sản vật thể

Trải qua thăng trầm, biến động của lịch sử, thời cuộc, tín ngưỡng thờ thần Bảo Ninh Vương không chỉ được trao truyền, tiếp nối từ những giá trị tinh thần thông qua truyền thuyết, lễ hội hay nghi lễ, mà còn sản sinh và bảo lưu được những hiện vật rất quý. Trong đó bao gồm: hệ thống lăng mộ, đình, miếu thờ thần, hệ thống các di vật và hàng nghìn hiện vật thờ cúng tại các di tích. Các di tích thuộc tín ngưỡng thờ thần Bảo Ninh Vương là đình, miếu thờ và các đồ thờ tự tại đó không chỉ là nơi thờ, đồ thờ mà còn là di sản vật thể - thành quả được người dân ở 8 làng dày công tạo dựng qua nhiều thế hệ.

Phải thấy rằng 10 đình, miếu thờ thần Bảo Ninh Vương là một khối di sản văn hóa vật thể đồ sộ. Mỗi một di tích là công trình văn hóa, một địa điểm văn hóa, mỗi một di vật là một sản phẩm sáng tạo văn hóa, nghệ thuật, dù được xếp hạng hay chưa thì nó đều là những chứng tích quan trọng ghi dấu lịch sử thăng trầm của mỗi làng. Xét về lịch sử, 10 di tích thờ thần Bảo Ninh Vương đều có một quá trình lịch sử lâu dài, hầu hết được xác định là có vào thời Lê Trung hưng, hoặc ít nhất là thời nhà Nguyễn. Nhiều di tích trong một thời kỳ đầy biến động (từ năm 1947 đến năm 1990) đã bị tàn phá cho chiến tranh, bị lãng quên trong một thời gian khá dài. Nhưng sau tất cả, các di tích này lại được phục dựng và trở về đúng vai trò của nó, là không gian linh thiêng thờ Thành hoàng làng, không gian sinh hoạt văn hóa của cộng đồng và tồn tại sừng sững như là sự hiện thân của văn hóa làng giữa phố.

Trong kho tàng văn hóa Việt Nam, 15 bản sắc phong tại đình Linh Đàm là những tài liệu vô giá, phản ánh sinh động bức tranh chính trị, tín ngưỡng, thẩm mỹ và bản sắc văn hóa của các làng thờ thần Bảo Ninh Vương. Căn cứ trên các sắc phong cho thấy: các sắc phong này được ban vào khoảng thời gian từ cuối triều đại Lê Trung hưng đến năm 1924 (trong 15 bản sắc phong, sắc phong có niên đại

sớm nhất Cảnh Hưng thứ 44 - 1783, bản có niên đại muộn nhất là Khải Định thứ 9 - 1924). Về bối cảnh lịch sử, trong hơn một thế kỷ (141 năm), lịch sử dân tộc đã trải qua những biến động rất lớn. Đó là sự trị vì của 3 triều đại phong kiến Lê - Trịnh - Nguyễn với tất cả những biểu hiện như từ ổn định, phát triển đến những mâu thuẫn, suy vong. Cụ thể, giai đoạn này đánh dấu bằng sự suy yếu của nhà Hậu Lê, rồi sự rối ren chính sự, chiến tranh liên miên giữa 3 tập đoàn phong kiến Lê - Trịnh - Nguyễn dẫn đến sự ra đời của triều đại Tây Sơn vào năm 1778. Năm 1802, sau thất bại của nhà Tây Sơn, nhà Nguyễn chính thức trị vì đất nước cho đến khi nhà nước phong kiến Việt Nam bị lật đổ vào năm 1945. Trong thời kỳ nửa thực dân, nửa phong kiến, triều đình phong kiến nhà Nguyễn đã để mất quyền lực và chỉ còn tồn tại với vai trò bù nhìn cho Pháp. Dù trải qua rất nhiều biến động như vậy, nhưng việc phong sắc cho các thần vẫn được các triều vua Lê, Tây Sơn và Nguyễn coi trọng như một chính sách chính trị nhằm cai trị đất nước, khẳng định quyền lực của mình. 15 bản sắc phong tại đình Linh Đàm đã giúp chúng ta nhìn nhận về bối cảnh lịch sử tín ngưỡng, đặc biệt là chính sách dùng tín ngưỡng như một công cụ chính trị của các triều đại phong kiến. Như vậy, các sắc phong đã giúp hiểu biết về bối cảnh lịch sử thời đại Việt Nam trong một thời kỳ rất dài gắn với những biến động về triều chính, chính sách cai trị đất nước... và những tác động của nó đến tín ngưỡng. Về mặt tín ngưỡng, sắc phong không chỉ là minh chứng xác thực cho sự tồn tại của vị thần Bảo Ninh Vương, đã được nhiều lần ban mỹ tự và được triều đình nhiều lần nâng cấp từ trung đẳng thần lên hàng thượng đẳng thần, mà còn cho thấy trong văn hóa Việt Nam, tín ngưỡng dân gian có vai trò rất quan trọng, được triều đình phong kiến không những thừa nhận mà còn đề cao. Đối với các làng thờ thần Bảo Ninh Vương sắc phong không chỉ là di sản văn hóa vật thể quý giá mà còn góp phần khẳng định sự tồn tại cũng như vai trò quan trọng của tín ngưỡng thờ thần Bảo Ninh Vương. Đây là những văn bản hành chính cổ chứa đựng những “ký ức thiêng” của cộng đồng làng xã. Chính những sắc phong này đã xác thực mối liên kết tâm linh bền chặt giữa 8 làng thờ thần Bảo Ninh Vương đã có từ hơn 300 năm nay. Toàn bộ kho tài liệu hiện vật quý giá này đã góp phần rất quan trọng

khẳng định giá trị văn hóa của tín ngưỡng thờ thần Bảo Ninh Vương.

4. Kết luận

Xét trên các phương diện biểu hiện sống động của tín ngưỡng thờ thần Bảo Ninh Vương, sẽ thấy tín ngưỡng này mang lại nhiều giá trị như: đem đến sự an định về tinh thần, tạo sợi dây kết nối cộng đồng, giáo dục đạo đức, ứng xử... Ở góc nhìn di sản, tín ngưỡng thờ thần Bảo Ninh Vương đã tạo dựng được một khối di sản văn hóa phong phú, giàu có, mang giá trị về lịch sử và văn hóa, thể hiện những bản sắc riêng, có ý nghĩa góp phần làm giàu có cho kho di sản văn hóa dân gian của các làng quê ở vùng trũng của châu thổ sông Hồng.

Đặt tín ngưỡng thờ thần Bảo Ninh Vương vào bối cảnh văn hóa của thời kỳ hội nhập, có thể thấy rằng, các giá trị thuộc về di sản văn hóa của tín ngưỡng thờ thần Bảo Ninh Vương không chỉ là tài sản văn hóa cần được bảo tồn, mà còn cần được khai thác như là nguồn lực văn hóa, nhằm mang lại nhiều lợi ích hơn cho đời sống cộng đồng và quốc gia nếu được nghiên cứu, khai thác đúng hướng. Do vậy, việc tiếp tục nhận diện các giá trị của tín ngưỡng thờ thần Bảo Ninh Vương là cần thiết. Ý nghĩa của việc làm này chính là góp phần làm sáng tỏ một trường hợp tín ngưỡng thờ thần trong đời sống đương đại, đồng thời mang lại ý nghĩa thiết thực cho công việc nghiên cứu nhằm bảo tồn, phát huy những giá trị của di sản văn hóa của dân tộc ■

N.T.D

1. Ngô Văn Doanh, *Miếu Gòn, một di tích đặc biệt ở Hà Nội*, Tạp chí *Nghiên cứu Phật học*, 1999, tr.31-33.

Tài liệu tham khảo

2. Nguyễn Thị Việt Hương, *Tục thờ nước của người Việt qua lễ hội ở Hà Nội và phụ cận*, Nxb Lao động, 2015.

3. Nguyễn Văn Khánh (chủ biên), *Hoàng Liệt truyền thống và hiện tại*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, 1999.

4. Nguyễn Doãn Tuân (chủ biên), *Di tích lịch sử văn hóa quận Hoàng Mai*, Nxb Văn hóa - Thông tin, 2010.

5. Lê Trung Vũ (chủ biên), *Hội làng Hà Nội*, Nxb Văn hóa - Thông tin, 2006.

6. Trần Quốc Vượng, Vũ Tuấn Sán, *Hà Nội nghìn xưa*, Sở Văn hóa Thông tin Hà Nội, Nxb Hà Nội, 1975.

Ngày Tòa soạn nhận bài: 15-5-2025; Ngày phản biện, đánh giá, sửa chữa: 16-6-2025; Ngày duyệt đăng: 20-7-2025.